

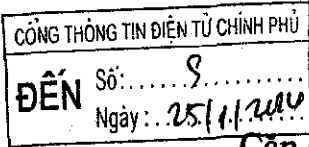
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 182 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước giai đoạn 2014 - 2020



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 81/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước giai đoạn 2014 - 2020 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCT, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).xh 140

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA
Nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ,
sử dụng tổng hợp tài nguyên nước giai đoạn 2014 - 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 182/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU

Bảo đảm quản lý, khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước theo phương thức tổng hợp, toàn diện và hiệu quả cao nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia cho trước mắt và lâu dài, góp phần phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội và quốc phòng, an ninh trước diễn biến của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và sự suy giảm nguồn nước với một số chỉ tiêu chủ yếu sau đây:

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản dưới Luật và đưa vào thực thi trong công tác quản lý việc khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm và bảo vệ có hiệu quả tài nguyên nước.

2. Hoàn thành tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia; hoàn thành việc lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000 trên toàn quốc, tỷ lệ 1:50.000 cho 50% diện tích đất liền và tỷ lệ 1:25.000 cho một số vùng trọng điểm.

3. Đưa vào sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin tài nguyên nước; 100% lưu vực sông lớn, quan trọng có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến; 100% các hồ chứa lớn, quan trọng trên các lưu vực sông được vận hành theo cơ chế phối hợp liên hồ; kiểm soát, giám sát được việc vận hành bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu của 70% các hồ chứa lớn.

4. Kiểm soát được tình trạng ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước; một số dòng sông, đoạn sông bị ô nhiễm, cạn kiệt nghiêm trọng được cải tạo, phục hồi; hoàn thành việc lập hành lang bảo vệ nguồn nước cho một số dòng sông, hồ chứa và các nguồn nước quan trọng.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật, chiến lược về tài nguyên nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước và phòng chống có hiệu quả các tác hại của nước do các hoạt động của con người gây ra

a) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản dưới Luật đảm bảo đồng bộ và đưa vào thực thi trong công tác quản lý việc khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm và bảo vệ có hiệu quả tài nguyên nước;

b) Rà soát Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2020 và xây dựng, triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

c) Triển khai thực hiện chính sách tài chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, gồm việc thu, quản lý, sử dụng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; chính sách ưu đãi các hoạt động đầu tư cung cấp nước sinh hoạt, thu gom, xử lý nước thải và các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, cải thiện và nâng cao chất lượng nước;

d) Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút, huy động các nguồn lực tài chính từ mọi thành phần trong xã hội, đặc biệt từ cộng đồng doanh nghiệp cho các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; cơ chế, chính sách bảo đảm hài hòa giữa trách nhiệm với lợi ích, giữa thượng lưu với hạ lưu và giữa khai thác với bảo vệ tài nguyên nước; cơ chế, chính sách xã hội hóa các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước;

đ) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bảo đảm khai thác, sử dụng tổng hợp, hiệu quả nguồn nước trên các lưu vực sông; tối ưu hóa việc phối hợp vận hành điều tiết nước của các hồ chứa.

2. Chủ động thích nghi, ứng phó với những diễn biến của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và việc sử dụng nước ở thượng nguồn các lưu vực sông liên quốc gia

a) Nghiên cứu, đánh giá, dự báo toàn diện các tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến tài nguyên nước và tác động của việc tăng cường sử dụng nước ở thượng nguồn các lưu vực sông liên quốc gia;

b) Xây dựng và triển khai kế hoạch hành động của các Bộ, ngành, địa phương nhằm tăng cường các biện pháp chủ động thích nghi, ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và việc khai thác, sử dụng nước ở thượng nguồn đến tài nguyên nước;

c) Sử dụng công nghệ viễn thám để theo dõi, giám sát định kỳ, thường xuyên các hoạt động xây dựng, vận hành các công trình khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước trên các lưu vực sông liên quốc gia.

3. Quy hoạch, kiểm kê, điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát tài nguyên nước

a) Xây dựng quy hoạch tài nguyên nước quốc gia, quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông liên tỉnh và quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh, thành phố; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

b) Tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia;

c) Xây dựng quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước của cả nước. Điều tra, đánh giá, lập bản đồ tài nguyên nước các lưu vực sông, các vùng khan hiếm nước, thiếu nước và các vùng trọng điểm;

d) Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước của quốc gia, các lưu vực sông và của các địa phương;

đ) Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát định kỳ, thường xuyên tài nguyên nước, các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước liên quốc gia, liên vùng, liên tỉnh;

e) Xây dựng, công bố báo cáo tài nguyên nước quốc gia theo định kỳ 5 năm một lần và các báo cáo chuyên đề về tài nguyên nước, báo cáo tài nguyên nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của ngành, lĩnh vực hằng năm.

4. Chủ động kiểm soát, ngăn ngừa, hạn chế tình trạng ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước

a) Phân loại nguồn nước, công bố danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng và danh mục các cơ sở khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng nguồn nước;

b) Thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các dòng sông, đoạn sông lớn, quan trọng, các hồ điều hòa ở các đô thị lớn và các hồ chứa thủy điện, thủy lợi; cải tạo, phục hồi các dòng sông, đoạn sông, hồ chứa ở các đô thị bị ô nhiễm, cạn kiệt nghiêm trọng;

c) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng thí điểm công trình điều tiết dòng chảy ở hạ du một số lưu vực sông quan trọng thường xuyên bị thiếu nước, khan hiếm nước về mùa cạn nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước điều tiết của các hồ chứa trong mùa cạn, tránh lãng phí, thất thoát nước ngọt ra biển;

d) Xây dựng hệ thống giám sát tự động, trực tuyến để kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước của các cơ sở gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước nghiêm trọng, giám sát và cảnh báo sớm nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước trên một số lưu vực sông lớn, quan trọng;

đ) Thống kê, kiểm kê hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

5. Điều hòa, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm tài nguyên nước và phát triển các mô hình sử dụng nước hiệu quả

a) Xây dựng, hoàn chỉnh các quy trình vận hành liên hồ chứa nhằm tối ưu hóa việc phối hợp vận hành điều tiết của các hồ chứa, bảo đảm gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ chống lũ, giảm lũ và cấp nước cho hạ du với nhiệm vụ phát điện, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước;

b) Tăng cường năng lực, hiệu quả điều hành, giám sát việc phối hợp vận hành điều tiết nước của hệ thống hồ chứa trên các lưu vực sông ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên;

c) Tăng cường các biện pháp quản lý, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng các công trình, hệ thống khai thác sử dụng nước hiện có nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí, thất thoát nước;

d) Xây dựng và thực hiện các chương trình sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả của các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp.

6. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước

a) Nghiên cứu, xác lập cơ sở khoa học phục vụ xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp, công cụ kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng, chống, giảm thiểu tác hại do nước gây ra;

b) Nghiên cứu, triển khai áp dụng công nghệ mới, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thám, tự động hóa trong đánh giá, dự báo, giám sát tài nguyên nước, các hoạt động gây ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước; cải tạo phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái;

c) Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp, công cụ kỹ thuật trong điều hòa, phân bổ tài nguyên nước theo hướng sử dụng tổng hợp, hiệu quả nguồn nước trên các lưu vực sông;

d) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, phát triển các sản phẩm, xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, giảm tổn thất nước;

đ) Phát triển và tăng cường năng lực hệ thống các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước;

e) Tăng cường năng lực cho một số viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức sự nghiệp công về tài nguyên nước trong việc nghiên cứu, đánh giá, dự báo tài nguyên nước; phát triển công nghệ, giải pháp tăng cường trữ

nước ở các vùng trũng, bổ sung nhân tạo nước dưới đất; nghiên cứu áp dụng, phát triển các công cụ mô hình toán hỗ trợ quản lý tài nguyên nước, vận hành điều tiết nước tối ưu và các công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, chống thất thoát trong các hệ thống thủy lợi, cấp nước đô thị.

7. Mở rộng, tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế về tài nguyên nước

a) Chủ động tham gia các diễn đàn khu vực, quốc tế và các diễn đàn trong khuôn khổ của Liên hợp quốc trong việc giải quyết những vấn đề về nguồn nước liên quốc gia nói riêng, tài nguyên nước nói chung;

b) Gia nhập Công ước của Liên hợp quốc về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho các mục đích phi giao thông thủy và chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết nhằm sử dụng có hiệu quả cơ chế giải quyết các vấn đề về nguồn nước liên quốc gia theo quy định của Công ước;

c) Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác với các quốc gia có chung nguồn nước với Việt Nam và các đối tác phù hợp khác nhằm bảo vệ, khai thác sử dụng công bằng hợp lý, điều tiết dòng chảy, ngăn ngừa các tác hại đối với các nguồn nước liên quốc gia;

d) Tăng cường năng lực đàm phán, giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc giải quyết các vấn đề về khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước liên quốc gia; vận động, lồng ghép vấn đề quản lý và sử dụng bền vững nguồn nước vào các khuôn khổ hợp tác khu vực (APEC, ASEM, ASEAN) và tiểu vùng sông Mê Công;

đ) Tích cực vận động để huy động nguồn lực, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, ưu tiên nguồn vốn ODA cho việc bảo vệ, quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên nước.

8. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng tài nguyên nước

a) Huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, các tổ chức khoa học, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng dân cư trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

b) Xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

c) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước cho cán bộ quản lý tài nguyên nước các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

9. Hoàn thiện bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý tài nguyên nước ở các cấp

a) Kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý nhà nước về tài nguyên nước các cấp để đáp ứng yêu cầu công tác quản lý tài nguyên nước;

b) Hoàn thiện cơ chế chủ trì, phối hợp trong quản lý tài nguyên nước, gắn quản lý lưu vực sông với quản lý theo vùng lãnh thổ, lấy lưu vực sông, địa bàn cấp xã là đơn vị cơ bản để thực hiện các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước;

c) Tăng cường năng lực, hiệu quả hoạt động của các tổ chức lưu vực sông trong việc điều phối, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống tác hại do nước gây ra và giải quyết các vấn đề phát sinh trên các lưu vực sông liên tỉnh;

d) Tăng cường đào tạo, đào tạo lại và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các cơ quan quản lý tài nguyên nước ở các cấp và các đơn vị sự nghiệp trực tiếp phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước;

đ) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và các công cụ hỗ trợ ra quyết định cho các cơ quan quản lý tài nguyên nước các cấp và các tổ chức lưu vực sông.

III. DANH MỤC ĐỀ ÁN ƯU TIÊN TRONG GIAI ĐOẠN 2014 – 2020

Danh mục các đề án ưu tiên để thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước giai đoạn 2014 - 2020 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch hành động quốc gia) được nêu trong Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Triển khai thực hiện

a) Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu, nhiệm vụ cụ thể được phân công và Danh mục các đề án ưu tiên của Kế hoạch hành động quốc gia, các Bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch hành động của mình gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời, triển khai xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí đề án ưu tiên được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí;

b) Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước đảm nhiệm chức năng Ban Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia. Chủ tịch Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước quyết định việc thành lập bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo.

2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thực hiện các đề án trong danh mục ưu tiên kèm theo Phụ lục của Kế hoạch hành động quốc gia được huy động từ các nguồn chi đầu tư phát triển, nguồn chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học, sự nghiệp giáo dục thuộc ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và vốn viện trợ quốc tế, vốn huy động cộng đồng và các nguồn vốn hợp pháp khác từ các tổ chức quốc tế như ADB, WB, JICA, KOICA, DANIDA, AFD...;

b) Kinh phí thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ không nằm trong danh mục ưu tiên kèm theo Phụ lục của Kế hoạch hành động quốc gia được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các Bộ, các cơ quan, các tổ chức liên quan và các địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn chi đầu tư phát triển, các nguồn chi sự nghiệp và viện trợ quốc tế để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia; hướng dẫn các Bộ, ngành, cơ quan, địa phương sử dụng kinh phí đúng mục đích và hiệu quả;

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan tổ chức vận động ODA và vốn vay ưu đãi để thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia;

đ) Các Bộ, các cơ quan, tổ chức liên quan và các địa phương chủ động huy động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia.

3. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương liên quan

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì thực hiện các nội dung trong Kế hoạch hành động quốc gia liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Lập, tổng hợp kế hoạch thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia, lập, tổng hợp dự toán kinh phí, báo cáo Ban Chỉ đạo cho ý kiến và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật ngân sách;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, dự toán kinh phí hàng năm bảo đảm phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch hành động quốc gia; xây dựng cơ chế và tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia;

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra và định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch; điều phối chung các hoạt động về thông tin, giáo dục và truyền thông liên quan đến tài nguyên nước;

- Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Kế hoạch, đề xuất giải quyết những vấn đề phát sinh trong việc thực hiện Kế hoạch;

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động thực hiện Kế hoạch của Bộ và thực hiện các đề án được phân công.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính có trách nhiệm cân đối, bố trí và hướng dẫn sử dụng vốn để thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nội dung của Kế hoạch hành động quốc gia;

c) Các Bộ, ngành căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình tổ chức thực hiện nhiệm vụ liên quan trong Kế hoạch hành động quốc gia; báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

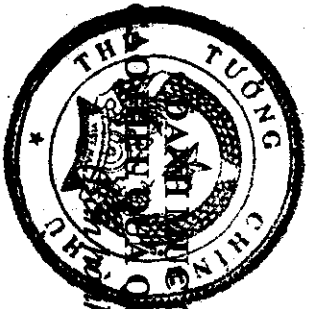
d) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến địa phương trong Kế hoạch hành động quốc gia. Hàng năm, xây dựng kế hoạch thực hiện gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, tổng hợp trình Ban chỉ đạo phê duyệt; báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch hành động quốc gia, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục
CÁC ĐỀ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA
CHỖ ĐÀNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ, SỬ DỤNG TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN NƯỚC GIAI ĐOẠN 2014 - 2020
kèm theo Kế hoạch hành động quốc gia tại Quyết định số 182/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian phê duyệt	Ghi chú
1	Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia năm 2015, 2020	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành, địa phương	2015	
2	Điều tra, đánh giá, lập bản đồ tài nguyên nước các lưu vực sông, các vùng khan hiếm nước, thiếu nước và các vùng trong điểm	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các Bộ, ngành, địa phương	2015	
3	Đề án lập quy hoạch tài nguyên nước	Bộ TNMT, các địa phương	Các Bộ, ngành, địa phương	2014	
4	Đề án Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước và hệ thống giám sát tài nguyên nước trên các lưu vực sông	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các Bộ, ngành, địa phương	2016	
5	Đề án thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước; cải tạo, phục hồi một số dòng sông, đoạn sông, hồ chứa ở các đô thị bị ô nhiễm, cạn kiệt nghiêm trọng	UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	2016	
6	Đề án thống kê, kiểm kê hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.	UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	2015	
7	Chương trình Nghiên cứu, xác lập cơ sở khoa học, ứng dụng, phát triển công nghệ phục vụ xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp, công cụ kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các Bộ, ngành và địa phương	2015	